TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2019

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Thị Vân.**

2. Ông **Nguyễn Văn Tư.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Hùng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **08** tháng **8** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị Huỳnh N**, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã MPT, TX Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn*: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã MTB, huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/6/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Huỳnh N trình bày:

Chị và anh Trần Văn C kết hôn năm 2008, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị sống tại nhà cha mẹ chồng tại ấp 4, xã TL; sau đó về bên gia đình chị tại xã MPT, đến năm 2015 thì vợ chồng sống riêng tại ấp 1, xã MTB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Quá trình sống chung, anh chị không hợp nhau về lối sống, có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, anh C hay gây sự và đánh chị; năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị về nhà cha mẹ ruột ở xã MPT sinh sống cho đến nay.

Nay chị yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Huỳnh N yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn C.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Huỳnh Minh Ch, sinh ngày 30/9/2008. Khi ly hôn, chị Phan Thị Huỳnh N yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn Trần Văn C trình bày:***

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn Phan Thị Huỳnh N về việc vợ chồng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, mỗi lần vợ chồng cự cãi, vợ thường xuyên bỏ nhà đi, đến đầu năm 2019 thì bỏ nhà đi không về nên khi anh kêu về nhà thì mới phát sinh mâu thuẫn cho đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Huỳnh N.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Huỳnh Minh Ch, sinh ngày 30/9/2008, anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị N không đồng ý thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Huỳnh N, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh C; giao con chung tên Trần Huỳnh Minh Ch, sinh ngày 30/9/2008 cho chị N nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: không giải quyết; nợ chung không có; chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Huỳnh N và anh Trần Văn C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị

Phan Thị Huỳnh N và anh Trần Văn C đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên quan hệ giữa chị Phan Thị Huỳnh N và anh Trần Văn C không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Huỳnh Minh Ch, sinh ngày 30/9/2008, nguyên đơn Phan Thị Huỳnh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn C đồng ý giao con chung cho chị Phan Thị Huỳnh N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, chị Phan Thị Huỳnh N và anh Trần Văn C thỏa thuận được với nhau về người nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Ch, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Phan Thị Huỳnh N và anh Trần Văn C thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị Phan Thị Huỳnh N và anh Trần Văn C thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Huỳnh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét, đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Huỳnh N và anh Trần Văn C.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Huỳnh Minh Ch, sinh ngày 30/9/2008 cho chị Phan Thị Huỳnh N nuôi dưỡng. Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Chị Phan Thị Huỳnh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16802 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm